

Bài 46: Nhân dịp tết cửa hàng có nhận về một số hộp mứt. Vì quầy chật nên người bán hàng chỉ để $\frac{1}{10}$ số hộp mứt ở quầy, số còn lại đem cất vào trong. Sau khi bán 4 hộp ở quầy thì số hộp cất đi gấp 15 lần số hộp còn lại ở ngoài quầy. Hỏi lúc đầu cửa hàng nhận về bao nhiêu hộp mứt?

Bài 47: Một con mèo đuổi bắt một con chuột cách nó 3m. Mỗi bước con mèo nhảy được 8dm, con chuột nhảy được 3dm. Hỏi sau bao nhiêu bước thì mèo bắt được chuột?

Bài 48: Hiện nay tuổi bố gấp 7 lần tuổi con. Sau 10 năm nữa tuổi bố gấp 3 lần tuổi con. Tính tuổi mỗi người hiện nay.

Bài 49: Một chiều mùa hè hai cha con dạo chơi trên bãi biển. Trong cuộc dạo chơi đó có 997 lần bước chân hai cha con ngang hàng nhau. Hỏi quãng đường hai cha con đã đi dài bao nhiêu mét? (Biết trung bình một bước của con là 4dm, của cha là 5dm)

Bài 50: Bố hơn con 30 tuổi, biết $\frac{1}{2}$ tuổi con bằng $\frac{1}{8}$ tuổi bố và bằng $\frac{1}{14}$ tuổi ông. Tính tuổi mỗi người hiện nay.

Bài 51: Trước đây 4 năm tuổi mẹ gấp 6 lần tuổi con, sau 10 năm nữa thì tỉ số tuổi giữa hai mẹ con là $\frac{8}{3}$. Tính tuổi mỗi người hiện nay.

Bài 52: Hiện nay tuổi anh gấp 3 lần tuổi em. Sau 14 năm nữa tỉ số tuổi giữa hai anh em là $\frac{5}{4}$. Tính tuổi mỗi người hiện nay.

Bài 53: Tết trồng cây, ba bạn Hạ, Thu, Đông cùng đi trồng cây. Số cây của bạn Đông trồng được ít hơn số cây của bạn Hạ và bạn Thu là 8 cây, số cây của bạn Hạ trồng được bằng $\frac{3}{5}$ số cây của bạn Thu. Biết số cây của ba bạn, Hạ, Thu, Đông trồng được là 40 cây. Tính số cây của mỗi bạn đã trồng.

Bài 54: Tháng 9, số học sinh trường tiểu học Kim Đồng được điểm 10 bằng $\frac{1}{6}$ số học sinh còn lại của trường. Tháng 10 số học sinh đạt điểm 10 bằng $\frac{1}{3}$ số học sinh còn lại của trường. Biết rằng tháng 10 số học sinh đạt điểm 10 nhiều hơn số học sinh tháng 9 đạt điểm 10 là 60 bạn. Hỏi toàn trường có bao nhiêu học sinh?

Bài 55: Có hai tấm bìa hình vuông, Tấm bìa nhỏ có số đo cạnh bằng nửa số đo cạnh của tấm bìa hình vuông lớn. Người ta cắt tấm bìa có số đo cạnh lớn hơn thành các

hình vuông nhỏ. Rồi người ta ghép tất cả các hình lại với nhau thành một hình vuông, thì hình vuông mới có diện tích là 180 cm^2 . Tính số đo cạnh của mỗi hình ban đầu.

Bài 56: Cho phân số có tổng của tử số và mẫu số là 3345. Biết 2 lần mẫu số bằng 3 lần tử số. Tìm phân số đó?

Bài 57: Một cửa hàng đã bán được 49kg gạo, trong đó số gạo nếp bằng $\frac{2}{5}$ số gạo tẻ. Hỏi cửa hàng đó đã bán bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 58: Tỉ của hai số là $\frac{3}{4}$. Tổng của hai số đó là 658. Tìm hai số đó

Bài 59: Chu vi hình chữ nhật là 630 cm, chiều dài gấp rưỡi chiều rộng. Tìm chiều dài, chiều rộng của hình đó.

Bài 60: Buổi sáng và buổi chiều cửa hàng bán được 24 xe đạp. Số xe bán buổi sáng gấp đôi số xe bán buổi chiều. Hỏi buổi mỗi cửa hàng bán được bao nhiêu xe đạp?

Bài 61: Hai túi gạo cân nặng 54kg. Túi thứ nhất cân nặng bằng $\frac{4}{5}$ túi thứ hai. Hỏi mỗi túi cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài 62: Hình vuông có cạnh 3m. Hình chữ nhật có chiều rộng 3m, chiều dài 5m. Tìm tỉ số của diện tích hình vuông và diện tích hình chữ nhật.

Bài 63: Tổng của hai số là 40. Tỉ của hai số là $\frac{3}{5}$. Tìm hai số đó

Bài 64: Có tất cả 35 con gà. Trong đó số gà trống bằng $\frac{2}{3}$ số gà mái. Hỏi số gà trống và số gà mái là bao nhiêu?

Bài 65: Tổng hai số là 888. Tỉ hai số đó là $\frac{5}{3}$. Tìm hai số đó

Bài 66: Hai kho gạo chứa 121 tấn gạo, trong đó số gạo ở kho thứ nhất bằng $\frac{3}{8}$ số gạo ở kho thứ hai. Hỏi mỗi kho gạo chứa bao nhiêu tấn gạo?

Bài 67: Lớp 4A có 30 học sinh. Lớp 4B có 35 học sinh. Nhà trường phát cho cả hai lớp 260 cuốn vở. Hỏi mỗi lớp được bao nhiêu cuốn vở? (Mỗi học sinh được số vở như nhau)

Bài 68: Cả đàn trâu, bò có 24 con. Số trâu nhiều gấp 3 lần số bò. Tính số trâu, số bò.

Bài 69: Có tất cả 18kg gạo. Trong đó số gạo tẻ bằng một nửa số gạo nếp. Hỏi số gạo mỗi loại?

Bài 70: Thời gian từ đầu tháng đến ngày sinh của mẹ gấp ba lần khoảng thời gian từ sau ngày sinh của mẹ đến cuối tháng. Hỏi mẹ sinh ngày nào, tháng nào?

Bài 71: Chu vi hình bình hành ABCD bằng 20cm. Biết rằng cạnh AB dài gấp rưỡi cạnh BC. Hãy tính độ dài các cạnh của hình bình hành.

Bài 72: Thời gian từ đầu ngày đến bây giờ bằng một nửa thời gian bây giờ đến cuối ngày. Hỏi bây giờ là mấy giờ?

Bài 73: Tổng của hai số là 36. Tỉ số của hai số đó là $\frac{5}{4}$ Tìm số lớn.

Bài 74: Một lớp có 35 học sinh, trong đó số học sinh nữ bằng $\frac{3}{4}$ số học sinh nam. Tính số học sinh nữ của lớp đó.

Bài 75: Chu vi một mảnh vườn hình chữ nhật là 144m, chiều rộng bằng $\frac{2}{7}$ chiều dài. Tính chiều rộng mảnh đất đó.

Bài 76: Tổng của hai số là 135. Nếu số lớn thêm 5 đơn vị và giữ nguyên số bé thì số bé bằng $\frac{2}{3}$ số lớn. Tìm số lớn ban đầu.

Bài 77: Tổng của hai số là 84. Nếu số bé giảm 7 đơn vị và giữ nguyên số lớn thì được số bé mới bằng $\frac{3}{4}$ số lớn. Tìm số bé ban đầu.

Bài 78: Tổng của hai số là số lớn nhất có ba chữ số. Tỉ của hai số là $\frac{5}{4}$. Tìm số lớn, số bé.

Bài 79: Hai thùng đựng tất cả 112 lít nước mắm. Nếu đổ từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai 7 lít thì số mắm ở thùng thứ hai bằng $\frac{5}{3}$ số mắm ở thùng thứ nhất. Hỏi lúc đầu thùng thứ nhất có bao nhiêu lít nước mắm.

Bài 80: Bác An và bác Bình làm được tất cả 108 sản phẩm. Trong đó bác An làm việc trong 5 giờ, bác Bình làm việc trong 7 giờ và mức làm việc của mỗi người như nhau. Hỏi mỗi bác làm được bao nhiêu sản phẩm?

Bài 81: Hiện nay tổng tuổi của 2 mẹ con là 35 tuổi. Tuổi con bằng $\frac{2}{5}$ tuổi mẹ. Tính tuổi con cách đây 2 năm.

Bài 82: Hiện nay tổng tuổi của 2 bố con là 50 tuổi. Tuổi bố gấp 4 lần tuổi con. Tính tuổi bố sau 5 năm.

Bài 83: Hiện nay tổng tuổi của 2 mẹ con là 36 tuổi. Sau 3 năm nữa tuổi con bằng $\frac{1}{5}$ tuổi mẹ. Tính tuổi mẹ hiện nay.

Bài 84: Hiện nay tổng tuổi của hai chị em là 16 tuổi. Trước đây 2 năm tuổi chị gấp 3 lần tuổi em. Tính tuổi em trước đây 2 năm.

Bài 85: Chu vi của cái chiếu hoa hình chữ nhật là 7m 2dm. Tính diện tích của cái chiếu đó. (Biết chiều rộng bằng $\frac{4}{5}$ chiều dài)

Bài 86: Trung bình cộng của hai số là 35. Số thứ nhất bằng $\frac{2}{3}$ số thứ hai. Tìm hai số đó

Bài 87: Cho một số tự nhiên có hàng đơn vị là 9. Nếu xóa đi chữ số 9 đó thì được số mới mà tổng số mới và số ban đầu là 34 362. Tìm số tự nhiên đã cho.

Bài 88: Trong phong trào kế hoạch nhỏ, lớp 4A và lớp 4B góp được 50kg giấy vụn. Tìm số giấy vụn của mỗi lớp, biết rằng $\frac{4}{7}$ số giấy vụn của lớp 4A bằng $\frac{8}{11}$ số giấy vụn của lớp 4B.

Bài 89: Tìm số tự nhiên, biết rằng nếu viết thêm chữ số 6 vào bên phải số đó thì ta được số mới mà tổng số mới và số phải tìm là 13 591.

Bài 90: Hình chữ nhật có chu vi 64cm. Nếu giảm chiều rộng 2cm, thêm chiều dài 2cm thì được hình chữ nhật mới có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chiều dài và chiều rộng hình chữ nhật ban đầu.

Bài 91: Một chiếc đồng hồ cứ 30 phút chạy nhanh 2 phú. Lúc 6 giờ sáng người ta lấy lại giờ nhưng không chỉnh lại đồng hồ nên nó vẫn chạy nhanh. Hỏi khi đồng hồ chỉ 16 giờ 40 phút thì khi đó là mấy giờ đúng?

Bài 92: Chu vi của một hình chữ nhật là 84 m. Chiều rộng bằng $\frac{3}{4}$ chiều dài. Tìm diện tích của hình chữ nhật đó.

Bài 93: Một người có 1 tạ rưỡi gạo gồm gạo nếp và gạo tẻ. Sau khi bán 15kg gạo nếp và 35kg gạo tẻ thì còn lại số gạo nếp bằng $\frac{2}{3}$ số gạo tẻ. Hỏi lúc đầu người đó có bao nhiêu ki-lô-gam gạo mỗi loại?

Bài 94: Trung bình cộng của 3 số là 75. Nếu thêm 1 chữ số 0 vào bên phải số thứ hai thì được số thứ nhất. Tính số thứ 2 biết rằng số đó kém số thứ ba 4 lần.

Bài 95: Cho phân số $\frac{9}{11}$. Tìm một số tự nhiên để khi cộng số đó vào cả tử số và mẫu số thì được phân số có giá trị là $\frac{5}{6}$.